TẬP ĐOÀN CN THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

CÔNG TY THAN HẠ LONG - TKV

BẢNG TÍNH VÀ THANH TOÁN LƯƠNG KHỐI VĂN PHÒNG

Đơn vị: 11-Phòng Đầu tư, Môi trường

Tháng 3 năm 2021

Stt	SDB	Tên	Chức danh	Mức LCB	Lương SP			Giờ PN	PC ĐTN	PC HĐCĐ	PC trách nhiệm		Tổng thu nhập	Các khoản phải trừ							Tổng giảm trừ	Còn lĩnh	Ký nhận
					Công	XL	Lương				HS	Tiền		BHXH	BHYT	BHTN	ĐPCĐ	Quỹ HĐXH	Thuế TNCN 2020	Phí ở chung cư			
1	**01**	**Tổ quản lý**			**69**		**44.847.000**				**0,30**	**480.000**	**45.326.999**	**2.576.600**	**483.200**	**322.200**	**414.500**	**165.000**	**1.032.671**		**4.994.171**	**40.332.828**	
1	HL-00081	Nguyễn Văn Thắng	Trưởng phòng	11.446.000	23	A	16.596.921						16.596.921	915.700	171.700	114.500	149.000	55.000	1.009.229		2.415.129	14.181.792	
2	HL-00469	Phạm Văn Đại	Phó phòng	10.483.000	23	A	14.125.039				0,30	480.000	14.605.039	877.100	164.500	109.700	134.500	55.000	23.442		1.364.242	13.240.797	
3	HL-00155	Vũ Văn Quyết	Phó phòng	9.797.000	23	A	14.125.039						14.125.039	783.800	147.000	98.000	131.000	55.000			1.214.800	12.910.239	
2	**08**	**Tổ chuyên viên**			**220**		**85.806.000**	**74.668**	**1.440.000**	**3.150.000**			**90.470.668**	**4.278.600**	**802.600**	**534.900**	**848.600**	**495.000**		**919.500**	**7.879.200**	**82.591.468**	
4	HL-01941	Vũ Quang Đức	Chuyên viên	6.818.000	23	A	9.159.224			900.000			10.059.224	545.500	102.300	68.200	93.400	55.000			864.400	9.194.824	
5	HL-00095	Nguyễn Văn Thành	Chuyên viên	5.609.000	27	A	10.214.526						10.214.526	448.800	84.200	56.100	96.300	55.000			740.400	9.474.126	
6	HL-07075	Phạm Thanh Tùng	Chuyên viên	5.609.000	23	A	9.159.224						9.159.224	448.800	84.200	56.100	85.700	55.000		232.000	961.800	8.197.424	
7	HL-00149	Phạm Văn Son	Chuyên viên	6.184.000	27	A	10.214.526						10.214.526	494.800	92.800	61.900	95.700	55.000		402.500	1.202.700	9.011.826	
8	HL-00709	Lã Tuấn Anh	Chuyên viên	5.609.000	27	A	10.214.526						10.214.526	448.800	84.200	56.100	96.300	55.000			740.400	9.474.126	
9	HL-02217	Nguyễn Văn Hậu	Chuyên viên	5.609.000	24	A	9.366.302			900.000			10.266.302	448.800	84.200	56.100	96.800	55.000			740.900	9.525.402	
10	HL-04798	Nguyễn Quang Danh	Chuyên viên	5.609.000	23	A	9.159.224		480.000				9.639.224	448.800	84.200	56.100	90.500	55.000		285.000	1.019.600	8.619.624	
11	HL-00165	Phạm Trường Huy	Chuyên viên	6.818.000	23	A	9.159.224			1.350.000			10.509.224	545.500	102.300	68.200	97.900	55.000			868.900	9.640.324	
12	HL-01231	Nguyễn Thị Quỳnh Chi	Chuyên viên	5.609.000	23	A	9.159.224	74.668	960.000				10.193.892	448.800	84.200	56.100	96.000	55.000			740.100	9.453.792	
Tổng cộng					**289**		**130.653.000**	**74.668**	**1.440.000**	**3.150.000**	**0,30**	**480.000**	**135.797.667**	**6.855.200**	**1.285.800**	**857.100**	**1.263.100**	**660.000**	**1.032.671**	**919.500**	**12.873.371**	**122.924.296**	

Quảng Ninh, ngày 23 tháng 4 năm 2021

LẬP BIỂU	PHÒNG TCNS	KẾ TOÁN TRƯỞNG	P.GIÁM ĐỐC
Mã Thành Trung	**Nguyễn Văn Thỏa**	**Đặng Thanh Lam**	**Phạm Văn Hùng**